

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ M  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Trúc Linh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Long.

2. Bà Nguyễn Thị Hôn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trọng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa:** Bà Lê Phương Hồng Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HN ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số 47/10 khu phố 1, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc Đ sinh năm 1978.

Địa chỉ: số 173/9 đường Đồng Đa, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn ly hôn, và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Ngọc Đ cưới nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 4, thành phố M. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, nguyên nhân chủ yếu do anh Đ thường hay nhậu nhẹt không chăm lo cho gia đình vợ con và có lời lẽ hăm dọa tính mạng vợ con. Nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ

- Về con chung : có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc P sinh ngày 03/6/2006, hiện đang sống cùng chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án và không nộp bất kỳ văn bản ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T.

*Tại phiên tòa*, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Đạt và chị Tươi. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Giao cháu Nguyễn Ngọc P sinh ngày 03/6/2006 cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị T trình bày không có, không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ có địa chỉ tại phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2 ]. Sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không có đơn xin xét xử vắng mặt, và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Đ.

[3 ]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Đ cưới nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 31/5/2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới chị T và anh Đ chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Qua trình giải quyết vụ án, chị T khẳng định không thể hàn gắn với anh Đ vì chị không còn tình cảm với anh Đ, chị đã cho anh Đ nhiều thời gian để sửa đổi nhưng vẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

[3.2]. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân của chị T và anh Đ là không thể hàn

gắn, vì không có sự vun đắp, xây dựng gia đình từ hai phía, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021, nhưng cả hai vẫn không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không có văn bản trình bày ý kiến xem như từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn chị T, cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[3.3]. Về nuôi con chung: Đối với con chung Nguyễn Ngọc P sinh ngày 03/6/2006 đang sống chung với chị T và chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P. Xét thấy, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu P do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Đ cũng không có văn bản ý kiến nào về yêu cầu được nuôi con chung của chị T. Để ổn định tâm lý, sinh hoạt, nơi ở cho cháu P, giao cháu cho chị T nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung. Vì vậy, yêu cầu nuôi dưỡng cháu P của chị T là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.4]. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T có việc làm, thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con nên chị không yêu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[3.5]. Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 264 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc P sinh ngày 03/6/2006 cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004850 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố

Mỹ Tho nên chị đã nộp xong.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND TPMT;
- UBND phường 4, M, Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Đã ký

**Cao Thị Trúc Linh**